

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; **Chuyên ngành:** Kinh tế nông nghiệp

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ HẢI NINH

2. Ngày tháng năm sinh: 28/01/1982; ☐ Nam ; ☒ Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã Phật Tích, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Thành Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Nguyễn Thị Hải Ninh, Khoa Kinh tế và Quản lý, tòa nhà Bùi Huy Đáp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Điện thoại nhà riêng; Điện thoại di động: 0904449996; Email: haininh.hua@gmail.com

7. Quá trình công tác

(1) Từ tháng 9/2004 đến tháng 7/2006: Nghiên cứu viên tại Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp, trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).

(2) Từ tháng 8/2006 đến tháng 8/2007: Học thạc sĩ tại trường Đại học Katholieke Leuven, Vương quốc Bỉ.

(3) Từ tháng 9/2007 đến tháng 7/2008: Nghiên cứu viên tại Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp, trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam).

(4) Từ tháng 08/2008 đến tháng 08/2009: Giảng viên tập sự tại Bộ môn Khoa học Cơ bản của trường Đại học bán công Marketing (nay là trường Đại học Tài chính – Marketing, Bộ Tài chính).

(5) Từ tháng 9/2009 đến tháng 10/2010: Giảng viên tại Bộ môn Khoa học Cơ bản, trường Đại học Tài chính – Marketing, Bộ Tài chính.

(6) Từ tháng 11/2010 đến tháng 10/2012: Giảng viên, phó trưởng Bộ môn, phụ trách bộ môn Kinh tế học và Thống kê, Khoa Cơ bản, Trường Đại học Tài chính – Marketing, Bộ Tài chính.

(7) Từ tháng 11/2012 đến 6/2016: Giảng viên Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn (nay là Khoa Kinh tế và Quản lý); Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

(8) Từ tháng 7/2016 đến tháng 6/2020: Học tiến sĩ tại trường Đại học Liege, Vương quốc Bỉ.

(9) Từ tháng 7/2020 đến tháng 3/2023: Giảng viên Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn (nay là Khoa Kinh tế và Quản lý); Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

(10) Từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023: Giảng viên Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn (nay là Khoa Kinh tế và Quản lý); Học viện Nông nghiệp Việt Nam; phó Chủ tịch Công đoàn Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn nhiệm kỳ 2023 – 2028.

(11) Từ tháng 7/2023 đến nay: Giảng viên chính Bộ môn Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn (nay là Khoa Kinh tế và Quản lý); Học viện Nông nghiệp Việt Nam; phó Chủ tịch Công đoàn Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn nhiệm kỳ 2023 – 2028; Ủy viên BCH Công đoàn Học viện Nông nghiệp Việt Nam nhiệm kỳ 2023-2028.

Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch Công đoàn Khoa Kinh tế và Quản lý, Ủy viên BCH Công đoàn Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Chức vụ cao nhất đã qua: phó trưởng Bộ môn, phụ trách bộ môn Kinh tế học và Thống kê, Khoa Cơ bản, Trường Đại học Tài chính – Marketing, Bộ Tài chính

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.62617586

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo

- Được cấp bằng ĐH ngày 27 tháng 7 năm 2004; số văn bằng: B 568140; ngành: Kinh tế nông nghiệp, chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Nông nghiệp 1 (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam), Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 14 tháng 9 năm 2007; số văn bằng: 1153599; ngành: Phân tích chính sách xã hội; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Katholieke Leuven, Vương quốc Bỉ; đã được Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là bằng tốt nghiệp Thạc sĩ ngày 24/03/2015.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 6 năm 2020; số văn bằng 185955; ngành: Khoa học Nông nghiệp; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Liege, Vương quốc Bỉ; đã được Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là bằng tốt nghiệp Tiến sĩ ngày 07/01/2021.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng 1: Các nghiên cứu về kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường nông thôn** tập trung vào các chủ đề như: kinh tế và quản lý sử dụng đất nông nghiệp; kinh tế và quản lý tài nguyên nước trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; quản lý và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; ô nhiễm môi trường làng nghề; nhận thức của người dân nông thôn về sản xuất xanh, tiêu dùng xanh đặc biệt là sản xuất giảm phát thải các bon trong nông nghiệp.

- **Hướng 2: Các nghiên cứu về chính sách quản lý và phát triển nguồn lực nông thôn** tập trung vào các chủ đề như: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn; quản lý, sử dụng và trả công lao động trong nông nghiệp; đánh giá sự hài lòng của người lao động (đặc biệt là lao động nông nghiệp, lao động xuất thân từ nông thôn) đối với công việc; phân tích vai trò cũng như tác động của các chính sách phát triển nguồn lực cho khu vực nông thôn như chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực, chính sách hỗ trợ tài chính, chính sách đất đai.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS; hiện tại đang hướng dẫn 02 NCS các ngành Quản trị nhân lực và Kinh tế phát triển.

- Đã hướng dẫn 08 HVCH bảo vệ thành công luận văn và nhận bằng tốt nghiệp ThS ngành Quản lý kinh tế.

- Đã hoàn thành 05 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, trong đó chủ nhiệm 04 đề tài NCKH cấp cơ sở (gồm 03 đề tài cấp cơ sở, 01 đề tài cấp cơ sở trọng điểm) và thư ký 01 đề tài cấp tỉnh.

- Đã công bố 48 bài báo khoa học trong kỷ yếu hội thảo khoa học và trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, trong đó 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín; là tác giả chính của 06 bài báo trong danh mục ISI, Scopus và WoS xuất bản sau tiến sĩ.

- Số lượng sách đã xuất bản gồm: 01 chương sách tham khảo bằng tiếng anh tại nhà xuất bản có uy tín Kyoto University Press năm 2009; và 03 giáo trình (trong đó chủ biên 01 giáo trình) vào các năm 2021, 2023 và 2025 tại nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

15. Khen thưởng:

- Giấy khen đạt Giải nhất bài viết tham gia Hội thảo Khoa học nữ Cán bộ Viên chức Học viện Nông nghiệp Việt Nam năm 2024 theo Quyết định số 115/QĐ-CĐ ngày 18/10/2024.

- Bằng khen của Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam theo Quyết định số 1830/QĐ-TLĐ ngày 3/10/2024.

- Bằng khen của BCH Công đoàn Giáo dục Việt Nam về có thành tích xuất sắc trong triển khai nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ năm học 2023-2024 theo Quyết định số 294/QĐ-CĐN ngày 08/8/2024.

- Danh hiệu *Chiến sĩ thi đua* cấp cơ sở năm học 2023-2024 theo Quyết định số 1410/QĐ-HVN ngày 01/04/2025 về việc công nhận thi đua năm 2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Bằng khen của Công đoàn ngành Nông nghiệp và PTNT Việt Nam năm học 2022-2023 theo Quyết định số 1039/QĐ-CDN ngày 05/10/2023.

- Danh hiệu *Chiến sĩ thi đua* cấp cơ sở năm học 2021-2022 theo Quyết định số 4818/QĐ-HVN ngày 26/08/2022 về việc công nhận thi đua năm học 2021-2022 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Bằng khen của UBND thành phố Hà Nội cho Tốt nghiệp Thủ khoa xuất sắc trường Đại học Nông nghiệp 1 năm 2004 theo Quyết định số 5051/QĐ-UB ngày 16/8/2004.

- Danh hiệu Công trình Thanh niên tiêu biểu năm 2003 do Thành Đoàn Hà Nội trao tặng theo Quyết định số 76/QĐ-TNHN ngày 9/1/2004.

- Bằng khen đạt Giải 3 Hội nghị Khoa học Công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học và Cao đẳng khối Nông – Lâm – Ngư toàn quốc lần thứ nhất theo Quyết định số 495/QĐ-TUĐTN ngày 26/9/2003.

- Bằng Chứng nhận đạt giải Ba môn thi Đại số trong kỳ thi Olympic Toán học sinh viên toàn quốc lần thứ IX năm 2001 của Hội Toán học Việt Nam, ngày 19/5/2001.

- Giấy khen Thủ khoa kỳ thi tuyển sinh vào trường Đại học Nông nghiệp 1 vào sổ khen thưởng số 02-614/QĐ, ngày 10/10/2000.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Từ tháng 8 năm 2008, ứng viên bắt đầu thực hiện công việc giảng dạy với vai trò là giảng viên tập sự tại Bộ môn Khoa học cơ bản, trường Đại học Bán công Marketing (nay là trường Đại học Tài chính – Marketing, Bộ Tài chính). Tháng 11 năm 2010, ứng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó trưởng bộ môn, phụ trách bộ môn Kinh tế học và Thống kê, Khoa Cơ bản, Trường Đại học Tài chính – Marketing. Sau 2 năm giữ chức vụ này, tháng 11/2012, ứng viên chuyển công tác về làm giảng viên bộ môn Kinh tế tài nguyên và môi trường, Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn (nay là khoa Kinh tế và Quản lý), Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Sau gần 13 năm công tác tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, ứng viên hiện đang là giảng viên chính, Phó chủ tịch Công đoàn Khoa Kinh tế và Quản lý và Ủy viên BCH Công đoàn Học viện Nông nghiệp Việt Nam nhiệm kỳ 2023-2028. Dựa trên các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, ứng viên xin tự đánh giá về bản thân như sau:

- Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống: Ứng viên có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống giản dị, chan hòa với đồng nghiệp, bạn bè và người học. Là một giảng viên, đồng thời là một Đảng viên, ứng viên luôn giữ vững lập trường tư tưởng chính trị, tuyệt đối trung thành với đường lối cách mạng của Đảng, tuân thủ nghiêm túc các chủ trương đường lối và chính sách pháp luật của Nhà nước. Bên cạnh đó, ứng viên luôn có ý thức giữ gìn đoàn kết, giữ mối quan hệ tốt với bạn bè đồng nghiệp ở nơi công tác và người dân ở nơi cư trú. Ứng viên luôn có ý thức chăm lo, giúp đỡ, hỗ trợ người học với vai trò là giáo viên chủ nhiệm cũng như giáo viên giảng dạy để người học hoàn thành tốt công việc học tập và nghiên cứu khoa học tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Đối với các nội quy, quy định của Học viện và của Khoa, ứng viên luôn chấp hành tốt và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- **Về công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học:** Ứng viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được giao theo nhiệm vụ của Nhà giáo trong Luật Giáo dục. Trong suốt quá trình công tác, ứng viên luôn rèn luyện phấn đấu để có kỹ năng sư phạm chuẩn mực; giữ gìn đúng tác phong và đạo đức của một nhà giáo. Ứng viên luôn hỗ trợ nhiệt tình người học và thực hiện đúng các nội quy, quy chế đào tạo và giảng dạy của Học viện. Trong công tác hướng dẫn, ứng viên luôn tận tình hướng dẫn khóa luận sinh viên, luận văn học viên cao học và nghiên cứu sinh; qua đó giúp người học hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập tại cơ sở đào tạo. Bên cạnh đó, ứng viên không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn để thực hiện tốt công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học; tích cực tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học các cấp trong nước và quốc tế; tích cực tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời quảng bá hình ảnh của cơ quan công tác đến bạn bè, đồng nghiệp trong và ngoài nước.

- **Về phát triển cộng đồng:** Bên cạnh công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn quan tâm đến công tác phát triển cộng đồng, đặc biệt là cộng đồng người dân nông thôn để nâng cao nhận thức của họ về các vấn đề tài nguyên và môi trường. Trong suốt những năm công tác, ứng viên đã và đang tham gia phối hợp với một số đơn vị trong nước tổ chức triển khai nhiều lớp tập huấn, nhiều hoạt động tư vấn về chủ đề sử dụng tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường cho người dân nông thôn. Ngoài ra, ứng viên còn tham gia tư vấn cho các tổ chức quốc tế như SNV Hà Lan, ABT Hoa Kỳ, cơ quan phát triển quốc tế Pháp AFD... để thiết kế và thực hiện các dự án liên quan đến sản xuất giảm phát thải các bon và chuyển đổi năng lượng bền vững tại một số tỉnh thành của Việt Nam.

- **Về công tác khác:** Ứng viên tham gia thực hiện cải tiến chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Phát triển Nông thôn năm 2024; tham gia xây dựng đề cương một số học phần cho sinh viên các ngành quản lý và phát triển nguồn nhân lực, quản lý kinh tế, kinh tế nông nghiệp và đề cương học phần kinh tế và quản lý lao động nâng cao cho học viên ngành Quản lý kinh tế, Phát triển nông thôn. Ứng viên tham gia viết các tiêu chuẩn kiểm định cho chương trình đào tạo đại học ngành quản lý và phát triển nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, với vai trò là Phó chủ tịch Công đoàn Khoa, Ủy viên BCH công đoàn Học viện, ứng viên luôn tích cực tổ chức, tham gia và vận động đồng nghiệp tham gia các hoạt động đoàn thể, các phong trào văn nghệ, thể thao do công đoàn tổ chức.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo tính đến tháng 6/2025, tôi có 12 năm 10 tháng thâm niên đào tạo (không tính 4 năm đi học tập nghiên cứu sinh tại nước ngoài).

- Trong 06 năm học gần nhất, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ, kết quả đào tạo cụ thể như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/Số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	

1	2015-2016	0	0	0	19	270		270/1172,7/208*
2	2020-2021	0	0	0	8	187	75	262/674/270
3	2021-2022	0	0	0	8	135	150	285/713,3/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	7	4	187	60	247/848,2/243**
5	2023-2024	0	1	4	6	217	60	277/657/243**
6	2024-2025	0	2	2	7	120	60	180/688,6/270***

(*) 80% giờ chuẩn cho giảng viên nữ nuôi con nhỏ theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Quyết định số 02/QĐ-NNH ngày 02/1/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội Quy định về chế độ làm việc của giảng viên: Định mức giờ chuẩn cho giảng viên có hệ số lương từ 2,34 đến dưới 3,33 là 260 giờ.

(**) 90% giờ chuẩn cho chức vụ Phó chủ tịch Công đoàn bộ phận, UV BCH Công đoàn Học viện theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Quyết định 2376/QĐ-HVN ban hành ngày 15/8/2018 và Quyết định 701/QĐ-HVN ban hành ngày 12/3/2020 và Quyết định 607/QĐ-HVN ban hành ngày 28/01/2022 Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên: Định mức giờ chuẩn cho giảng viên là 270 giờ.

(***) 90% giờ chuẩn cho chức vụ Phó chủ tịch Công đoàn bộ phận, UV BCH Công đoàn Học viện theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Quyết định 6093/QĐ-HVN ban hành ngày 20/11/2024 Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên: Định mức giờ chuẩn cho giảng viên là 300 giờ.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học các môn học và bảo vệ luận văn thạc sĩ bằng tiếng Anh tại trường đại học Katholieke Leuven, Vương quốc Bỉ năm 2007.

- Học các môn học và bảo vệ luận án tiến sĩ bằng tiếng Anh tại trường đại học Liege, Vương quốc Bỉ năm 2020.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: Không.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Giảng dạy bằng tiếng Anh cho học phần Kinh tế tài nguyên và môi trường (mã học phần KTE03006) trong Chương trình đào tạo chất lượng cao đại học chính quy ngành “Kinh tế nông nghiệp chất lượng cao” và Chương trình đào tạo Cử nhân ngành “Quản trị Kinh doanh tiên tiến”.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện Nông nghiệp Việt Nam

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Trình bày báo cáo khoa học trong các hội nghị và hội thảo quốc tế, hợp tác và tư vấn cho các tổ chức quốc tế như ABT Hoa Kỳ, AFD Pháp và phản biện bài báo tiếng Anh cho các tạp chí quốc tế uy tín, tạp chí bản tiếng Anh của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

3.2. Tiếng Anh (văn bản, chứng chỉ): Không

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Trịnh Đắc Chuyên		x	x		2021-2022	Học viện NNVN	Số 4986/QĐ-HVN ngày 06/9/2022
2	Tạ Công Hợp		x	x		2021-2022	Học viện NNVN	Số 4986/QĐ-HVN ngày 06/9/2022
3	Phùng Thị Thêm		x	x		2021-2022	Học viện NNVN	Số 7432/QĐ-HVN ngày 27/12/2022
4	Nguyễn Thị Kim Khuy		x	x		2022-2023	Học viện NNVN	Số 5156/QĐ-HVN ngày 15/9/2023
5	Hoàng Văn Sơn		x	x		2022-2023	Học viện NNVN	Số 5156/QĐ-HVN ngày 15/9/2023
6	Nguyễn Văn Mạnh		x	x		2022-2023	Học viện NNVN	Số 5156/QĐ-HVN ngày 15/9/2023
7	Đặng Văn Sinh		x	x		2022-2023	Học viện NNVN	Số 5156/QĐ-HVN ngày 15/9/2023
8	Đào Thùy Linh		x	x		2023-2024	Học viện NNVN	Số 980/QĐ-HVN ngày 07/3/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ biên trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	Farming with Fire and Water <i>The Human Ecology of a Composite Swiddening Community in Vietnam's Northern Mountains</i>	TK	NXB Kyoto University Press, 2009 ISBN 978-1-920901-29-5	32	TV	Trang 184-201	Số 245/GXN-ĐHTCQTKD ngày 29/4/2025 của trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh
II	Sau khi được công nhận TS						
2	Kinh tế tài nguyên	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2021 ISBN 978-604-924-637-1	9	TV	Chương 7, trang 143-163	1187/HVN-NXB ngày 22/6/2022 của Học viện NNVN 2945/QĐ-HVN ngày 17/6/2025 của Học viện NNVN
3	Quản lý thị trường Bất động sản	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2023 ISBN 978-604-924-763-7	4	Đồng CB	Chương 2, 3 trang 34-106	891/HVN-NXB ngày 19/5/2025 của Học viện NNVN 2945/QĐ-HVN ngày 17/6/2025 của Học viện NNVN

4	Kinh tế môi trường	GT	NXB Học viện Nông nghiệp, 2025 ISBN 978-604- 924-844-3	4	TV	Chương 5, 6 trang 111-165	890/HVN-NXB ngày 19/05/2025 của Học viện NNVN 2945/QĐ-HVN ngày 17/6/2025 của Học viện NNVN
---	--------------------	----	--	---	----	------------------------------------	--

Trong đó: số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: Không.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Vai trò của cộng đồng trong huy động sự tham gia của người dân cho xây dựng giao thông nông thôn tại huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	CN	T2014 – 06 – 11 Cấp cơ sở	2014	Quyết định nghiệm thu 3279/QĐ-HVN ngày 24/12/2014; Giấy xác nhận kết quả ngày 15/12/2015 Kết quả: TỐT
2	Ứng xử của hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp đối với biến động giá điện tại các làng nghề thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	CN	T2016-06-29 Cấp cơ sở	2016	Quyết định nghiệm thu 349/QĐ-HVN ngày 20/02/2017; Giấy xác nhận kết quả ngày 17/5/2017 Kết quả: KHÁ
II	Sau khi được công nhận TS				
3	Ảnh hưởng của cơ giới hóa đến sử dụng và trả công lao động trong sản xuất nông nghiệp: Nghiên cứu tại tỉnh Thái Bình, Việt Nam	CN	T2021-05-11VB Cấp cơ sở	2021-2022	Quyết định nghiệm thu 5052/QĐ-HVN ngày 8/9/2022; Giấy xác nhận kết quả ngày 20/6/2023 Kết quả: TỐT
4	Giải pháp phát triển sản xuất lúa giảm phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Thái Bình	CN	T2022-05-04TĐ Cấp cơ sở trọng điểm	2022-2024	Quyết định 781/QĐ-HVN ngày 25/2/2025; Giấy xác nhận kết quả ngày 10/03/2025 Kết quả: TỐT
5	Nghiên cứu đánh giá thực trạng chuyển đổi số và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình	TK	TB-CT/XH16/23 Cấp tỉnh Thái Bình	2023-2024	Quyết định công nhận kết quả số 48/QĐ-SKHCN ngày 5/2/2025; Giấy chứng nhận số 09/2024/GCN-SKHCN

					Kết quả: ĐẠT
6	Thúc đẩy chuyển đổi tiêu dùng năng lượng bền vững ở các hộ dân khu vực miền núi phía Bắc: Trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Sơn La	CN	NV2025 - 07 - 14TĐ Cấp cơ sở trọng điểm	2025-2026	Đang triển khai

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	The patterns of women's spatial mobility in the era commoditization: Case study in a traditional craft village, Northern Vietnam (<i>Mô hình di chuyển của phụ nữ nông thôn trong bối cảnh sản xuất hàng hóa: Trường hợp nghiên cứu tại làng nghề truyền thống, miền Bắc Việt Nam</i>)	2		Journal of Science and Development ISSN: 1859-0004			Vol 8 (Eng.Iss. 2)193-202	11/2010
2	Thực trạng trao đổi đất nông nghiệp giữa các hộ nông dân nhằm phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh	3		Tạp chí Khoa học và Phát triển ISSN: 1859-0004			Số 9(2). 317-325	4/2011
3	Đề xuất một số giải pháp tăng cường sự đóng góp của người dân vào chỉ tiêu công cấp cơ sở thông qua mô hình logistic regression	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing ISSN: 1859-3690			6 (Số 22 bộ cũ). 47-51	11/2011
4	Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của tỉnh Bắc Ninh trên địa bàn huyện Quế Võ	2		Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012			195(II). 18-26	09/2013
5	Quản lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật của nông dân: Kinh nghiệm từ một số địa phương vùng đồng bằng sông Hồng	2		Kỷ yếu Hội thảo Câu lạc bộ Khoa học Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật lần thứ 44 (tổ chức tại Trường ĐH Bách Khoa – ĐH Đà Nẵng)			Trang 70-77	04/2014
6	Huy động người dân tham gia xây dựng giao thông nông thôn tại huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Số chuyên đề: 53-56	10/2014

7	Giải pháp nâng cao hiệu quả cung ứng dịch vụ của các HTX nông nghiệp ngoại thành Hà Nội: Trường hợp nghiên cứu tại xã Vân Nội, huyện Đông Anh, Hà Nội	2	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012			222(II). 68-75	12/2015
8	Giải pháp hoàn thiện công tác thực thi chính sách đào tạo bồi dưỡng nhân lực cho phát triển Hợp tác xã trên địa bàn thành phố Hà Nội	2	X	Tạp chí Thăng Long ISSN: 1859-0527			Số 06, Trang 22- 26	11/2016
9	Điều kiện và quan hệ lao động trong các chuỗi giá trị hàng thủ công mỹ nghệ ở miền Bắc Việt Nam	4		Kỷ yếu hội thảo “Phát triển chuỗi giá trị phục vụ tái cơ cấu nền nông nghiệp” tổ chức tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam ISBN: 978-604-924-299-1			Trang 34-41	09/2017
10	Needs of tea growers for participating in tea production insurance: A case study in Phu Tho province, Vietnam https://agrofor.ues.rs.ba/paper.php?id=128	3	X	AGROFOR International Journal ISSN online: 2490-3442		1	Vol. 2, Issue No. 2. 82-91	10/2017
11	How does the Increase in Electricity Price Change Behavior of Households in Craft Production? A Case Study in Craft Villages, Bac Ninh Province Vietnam https://www.econjournals.com/index.php/ijefi/article/view/6880	3	X	International Journal of Economics and Financial Issues ISSN: 2146-4138	Q3		Vol 8(5), 148-155.	09/2018
12	The Contribution of Farmers to Irrigation Management for Agricultural Production in The Red River Delta Vietnam https://dergipark.org.tr/en/pub/sduzfd/issue/40528/449762	3	X	Journal of the Faculty of Agriculture, Suleyman Demirel University, Turkey ISSN: 1304-9984			13 (02). 229-239	11/2018
13	The Red River Delta, Vietnam: How does industrialization change the use of labor in agricultural production at farm households?	3	X	Asia Life Sciences (The Asian International Journal of Life Sciences) ISSN: 0117-3375	SCOPUS Q4, IF 0.180	5	Vol 27(2). 311-329	12/2018
14	Labor Division in Pig Farming Households: An Analysis of Gender and Economic Perspectives in the Red River Delta Vietnam https://doi.org/10.32479/ijefi.7274	3	X	International Journal of Economics and Financial Issues ISSN: 2146-4138	Q3	6	9(1): 183-192	01/2019

15	Quản lý môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản ven biển tại các hộ nông dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	4	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo ISSN: 0866-7120			Số 3, trang 44-48	01/2019
II Sau khi được công nhận TS								
16	Ảnh hưởng của di cư lao động đến sản xuất trồng trọt của các hộ nông dân: Nghiên cứu tại xã Phụng Mao, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh https://tapchi.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/2020/09/tap-chi-so-9.1.4.pdf	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN 3030-4458			18(9): 696-704	07/2020
17	Factors affecting policy implementation of payment for forest environment services in Hoa Binh province	4		Journal of forestry science and technology ISSN: 2615 - 9368			No 10 (2020): 170-180	11/2020
18	Khai thác thủy sản xa bờ dưới ảnh hưởng của Covid-19: Nghiên cứu tại xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa https://tapchi.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/2021/09/tap-chi-so-10.2.10.pdf	1	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN 3030-4458			19(10): 1373-1382	07/2021
19	Việc làm và đời sống của người lao động tại khu công nghiệp Quế Võ tỉnh Bắc Ninh do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 https://js.ktpt.edu.vn/index.php/jed/article/view/216	1	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012		1	291(2), 4-14	09/2021
20	Livelihoods of small farm households in Covid-19 pandemic: A case study in the Red river Delta of Vietnam https://agrosym.ues.rs.ba/article/showpdf/BOOK_OF_PROCEEDINGS_2021_FINAL.pdf	1	X	Book of proceedings XII International Scientific Agriculture Symposium "AGROSYM 2021" ISBN 978-99976-787-9-9			Trang 1337-1346	10/2021
21	Policies supporting for agricultural cooperatives in Vietnam: An experience from agricultural cooperatives in the Red River Delta https://doi.org/10.47577/tssj.v25i1.4967	1	X	Technium Social Sciences Journal ISSN: 2668-7798			Vol 25. 126-133	11/2021
22	Tiếp cận tính dụng chính thức cho phát triển kinh tế trang trại trên địa	3		Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia "Thúc đẩy tài chính toàn diện			Trang 281-290	11/2021

	bản huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội			hướng tới phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn ở Việt Nam” ISBN: 978-604-343-319-7				
23	Vietnam Labour Policies and its impact on rural wages: An experience from hired farm labourers in the Red River delta https://doi.org/10.51599/are.2021.07.04.03	1	X	Agricultural and Resource Economics: International Scientific E-Journal ISSN 2414-584X	ISI SCOPUS Q3 IF 1.01	3	Vol. 7, No. 4, 42-61	12/2021
24	Farm mechanization and its impact on labour use among rice farming households: an experience from Thai Binh province in Vietnam https://esciencepress.net/journals/index.php/IJAE/article/view/4007	1	X	International Journal of Agricultural Extension ISSN (online): 2311-6110		4	10(1), 135-148	04/2022
25	Measures Used for Water Quality Management in Intensive Pangasius Catfish Production in Vietnam's Mekong Delta: Experiences from Household Practices and Gender Roles https://doi.org/10.31817/vjas.2022.5.4.06	2	X	Vietnam Journal of Agricultural Sciences ISSN: 2588-1299			5(4): 1674-1689	10/2022
26	Green consumption in Vietnam: A case study of young people in Hanoi https://agrosym.ues.rs.ba/article/showpdf/BOOK_OF_PROCEEDINGS_2022.pdf	1	X	Book of proceedings XIII International Scientific Agriculture Symposium “AGROSYM 2022” ISBN 978-99976-987-3-5			Trang 1237-1247	10/2022
27	Sự hài lòng của người lao động đối với công việc làm thuê trong các hộ sản xuất nông nghiệp ở khu vực đồng bằng sông Hồng https://js.ktpt.edu.vn/index.php/jed/article/view/713	1	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012			305(2), 79-90	11/2022
28	Factors Influencing Customers' Perception of Digital Banking Service Quality in Vietnam https://doi.org/10.26668/businessreview/2023.v8i7.2861	3		International Journal of Professional Business Review		1	8 (7): 1-14	06/2023

29	How to Enhance Circular Agriculture Models at Micro-Level in Vietnam? A Review DOI: 10.12944/CWE.18.2.05	3	X	Current World Environment ISSN (online): 2320-8031	WoS (Zoological Record)	3	18(2): 483-493	08/2023
30	Farmers' Perceptions on Land Degradation: A Case Study in Vietnam http://dx.doi.org/10.12944/CWE.18.3.35	2		Current World Environment ISSN (online): 2320-8031	WoS (Zoological Record)		18 (3): 1356-1369	10/2023
31	Sản xuất lúa giảm phát thải khí nhà kính tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình: Thực trạng và giải pháp thúc đẩy sự tham gia của nông dân https://js.ktpt.edu.vn/index.php/jed/article/view/1393	4	X	Tạp chí Kinh tế & Phát triển ISSN: 1859-0012			318(2): 130-138	12/2023
32	Factors Influencing Access to Formal Credit by Pottery Households: Case Study in Bat Trang Village, Hanoi, Vietnam DOI: 10.22004/ag.econ.344449	4	X	Selected paper prepared for presentation at the 1st ASEAN University Symposium for Sustainable Food System, Faculty of Economics, Kasetsart University, Bangkok, Thailand 18-19 April 2024.			Trang 1-14	04/2024
33	National State Budget Expenditure and Human Development Index in Vietnam https://doi.org/10.57239/PJLSS-2024-22.1.00207	4		Pakistan Journal of Life and Social Sciences E-ISSN: 2221-7630	SCOPUS Q4 IF 0.705	1	22(1): 2800-2811	06/2024
34	Population aging and challenges to the social security system in Vietnam. https://drive.google.com/file/d/1yZuKpBtaHsPfaw7FEpaAwlXN_a5HIM7N/view	3	X	Journal of Law and Political Science ISSN (online): 2518-5551	ISI IF 2.329		42(3): 80-99	07/2024
35	Factor Affecting Rice Cultivation to Reduce Greenhouse Gas Emissions in Vietnam: An Experience from Farm Households in Thai Binh Province https://www.pjlss.edu.pk/pdf_files/2024_2/21079-21091.pdf	2	X	Pakistan Journal of Life and Social Sciences E-ISSN: 2221-7630 ISSN: 1727-4915	SCOPUS Q4 IF 0.705		22(2): 21079-21091	12/2024
36	Solutions For the Development of Rice Production to Reduce Greenhouse Gas Emissions for	1	X	Journal of Law and Political Science	ISI IF 2.329		44(1): 360-380	01/2025

	Environmental Protection in Vietnam: A Case Study of Farm Households in Thai Binh Province https://drive.google.com/file/d/1PVP4U7AMXfWEVZGCuX4vp52IKUD_xOJ9/view			ISSN (online): 2518-5551				
37	Support Policies for Job Creation for Rural Female Labor in Vietnam https://drive.google.com/file/d/1PVP4U7AMXfWEVZGCuX4vp52IKUD_xOJ9/view	3	X	Journal of Law and Political Science ISSN (online): 2518-5551	ISI IF 2.329		44(1): 383-397	01/2025
38	Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định tự tạo việc làm của lao động nữ nông thôn tỉnh Nam Định https://tapchi.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/2025/03/tap-chi-so-3.5.pdf	3	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN 3030-4458			Số 23(3): 317-327	03/2025
39	Phát triển du lịch gắn với cải thiện sinh kế của người dân ven biển Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu	2	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN 0868-3808			Số tháng 3/2025: 53-56	03/2025
40	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phân bố lao động theo ngành kinh tế ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Công thương ISSN 0866-7756			Số 8 tháng 3/2025: 80-87	03/2025
41	Green Consumption Behavior of Young Workers in Vietnamese Industrial Zones: An Investigation from Gender Perspective DOI:- 10.36896/CMJ2025.V10I4.25.21829	2	X	Communication and Management Journal ISSN: 2269-7195			Vol 10(4): 51-72	04/2025
42	Phát triển du lịch trải nghiệm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình: bài học kinh nghiệm từ huyện Gia Viễn	2	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương ISSN 0868-3808			Số 680 tháng 4/2025: 46-49	04/2025
43	Tăng cường hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp: Kinh nghiệm thực tiễn của huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	2	X	Tạp chí Công thương ISSN 0866-7756			Số 14/2025: 146-151	04/2025
44	Các yếu tố ảnh hưởng đến chuyển đổi tiêu dùng năng lượng của hộ gia đình: Góc nhìn từ các nghiên cứu quốc tế và Việt Nam https://vie.vjas.vn/index.php/vjasv/article/view/1926	1	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN 3030-4458			Số 23 (5): 688-700	05/2025
45	Customer Satisfaction with Loan Service for Agricultural Production: A Case Study at Agriculture and Rural	1	X	Discoveries in Agriculture and Food Sciences ISSN: 2756-2700			Vol. 13 (03): 1-13	05/2025

	Development Bank in Nam Dinh province of Vietnam https://www.journals.scholarpublishing.org/index.php/TNC/article/view/18782						
46	Phát triển doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế và Quản lý ISSN 1859-4565		Số 81, tháng 5/2025: 14-20	05/2025
47	Job Satisfaction among Food Delivery Drivers in Hanoi, Vietnam https://journalajaees.com/index.php/AJAEES/article/view/2768	1	X	Asian Journal of Agricultural Extension, Economics & Sociology ISSN: 2320-7027		Volume 43, Issue 6, Page 121-134	06/2025
48	Tổng quan phát triển nông nghiệp đa chức năng: Lý luận và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam https://vie.vjas.vn/index.php/vjasv/issue/view/138	3		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN 3030-4458		Số 23(6): 813-824	06/2025

- Trong đó: số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS là **06 bài báo**, với các số thứ tự [23], [29], [34], [35], [36], [37].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
I							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
I							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò U'V (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Tham gia tổ rà soát và cải tiến chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Phát triển nông thôn	Tham gia	Quyết định 3890/QĐ-HVN ngày 02/08/2024	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định thẩm định chương trình đào tạo Số 6727/QĐ-HVN ngày 24/12/2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:
Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hải Ninh